

Bảng chỉ dẫn An toàn Sản phẩm



1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm:	EPOXY FIX SUPER STEEL
Công dụng đề xuất:	Keo epoxy hai thành phần
Nhà cung cấp:	Selleys Australia, công ty con của DuluxGroup (Australia) Pty Ltd
Mã số doanh nghiệp (ABN):	67 000 049 427
Địa chỉ:	1 Gow Street Padstow 2211 Australia
Điện thoại:	+61 2 9781 8777
Fax:	+61 2 9781 8825
Số khẩn cấp:	1 800 033 111 (CẢ NGÀY)

2. NHẬN DẠNG MÔI NGUY

Hóa chất độc hại theo các tiêu chuẩn của Cục An toàn lao động Úc; CHẤT ĐỘC HẠI.

Không được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Bộ luật Hàng Hóa Nguy Hiểm Úc (ADG) khi vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt; HÀNG HÓA KHÔNG NGUY HIỂM.

Mã rủi ro: Kích ứng mắt và da. Có thể gây mẫn cảm. Độc với sinh vật thủy sinh. Có thể gây ảnh hưởng bất lợi lâu dài cho môi trường nước. Nguy cơ gây suy giảm chức năng sinh sản, giảm độ màu mỡ của đất. Nguy cơ có thể gây hại cho trẻ chưa sinh.

Mã an toàn: Không để dính da và mắt. Nếu dính mắt, lập tức rửa bằng nhiều nước và gọi bác sĩ. Nếu dính da, rửa ngay với nhiều nước (hoặc rửa bằng xà phòng và nước nếu sản phẩm không tan trong nước). Mặc quần áo bảo hộ, mang găng tay và thiết bị bảo vệ mắt/mặt phù hợp. Ngăn hóa chất thoát ra môi trường. Xem hướng dẫn đặc biệt.

Danh mục hóa chất độc: Không có

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên thành phần	Số đăng ký CAS	Tỷ lệ	Mã rủi ro
Propane, 2,2-bis[p-(2,3-epoxypropoxy)phenyl	25085-99-8	10-<30%	R36/38, R43
Polyme có cấu trúc phân tử kết thúc bằng Mercaptan	33007-83-9	10-<30%	-
Nonyl phenol	25154-52-3	5-<10%	R22 R34 R50/53 R62 R63
2,4,6-Tri(dimethylaminomethyl)phenol	90-72-2	1-<5%	R22, R36/38
Thành phần không độc hại	-	100%	-

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Để được giúp đỡ, liên hệ Trung tâm Thông tin Chất độc (số điện thoại tại Úc: 131 126; số điện thoại tại New Zealand: 0800 764 766) hoặc gọi bác sĩ.

Hít phải: Đưa nạn nhân ra khỏi nơi bị phơi nhiễm – tránh thương vong. Gọi bác sĩ nếu triệu chứng kéo dài.

Dính da:

Tên sản phẩm: EPOXY FIX SUPER STEEL
Mã số hóa chất: 00000022333

Ngày phát hành: 10/02/2016
Phiên bản: 1

Bảng chỉ dẫn An toàn Sản phẩm

Nếu dính da hoặc tóc, lập tức cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và rửa dưới vòi nước chảy. Nếu có hiện tượng sưng, nổi mẩn đỏ, phỏng giộp, hoặc ngứa, gọi bác sĩ.

Dính mắt:

Nếu dính mắt, tách hai mí mắt ra và rửa dưới vòi nước chảy liên tục. Tiếp tục rửa cho đến khi Trung tâm Thông tin Chất độc hoặc bác sĩ bảo ngừng, hoặc rửa trong ít nhất 15 phút.

Nuốt phải:

Súc miệng bằng nước. Nếu nuốt phải, KHÔNG gây nôn. Cho nạn nhân uống một ly nước. Gọi bác sĩ.

Theo dõi y tế và điều trị đặc biệt:

Điều trị triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Nguy cơ từ sản phẩm dễ cháy:

Hồ nhão dễ cháy. Khi cháy sẽ sinh ra khí độc, bao gồm các oxit cacbon, oxit ni tơ và oxit lưu huỳnh.

Thận trọng khi chữa cháy và thiết bị bảo hộ đặc biệt:

Đeo bộ thiết bị dưỡng khí cá nhân và mặc quần áo bảo hộ phù hợp khi tiếp xúc với hơi hoặc sản phẩm cháy.

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Bọt thông thường, chất khô (CO₂, bột hóa chất khô).

6. BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ TAI NẠN

Quy trình khẩn cấp:

Nếu hóa chất tràn đổ vào cống hoặc nguồn nước, gọi dịch vụ khẩn cấp tại chỗ.

Phương pháp và vật liệu ngăn chặn và làm sạch:

Mang thiết bị bảo hộ để phòng dính da và dính mắt. Cạo bỏ phần tràn đổ trước khi hóa chất đóng rắn. Thu gom vào thùng có nắp đậy kín có dán nhãn phù hợp để xử lý. Hóa chất đã đóng rắn chỉ có thể được xử lý bằng cách cắt hoặc mài.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Điều kiện bảo quản an toàn:

Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản chung với thực phẩm. Đậy kín khi không sử dụng – thường xuyên kiểm tra để phòng rò rỉ.

Thận trọng để xử lý an toàn:

Đề xa tầm tay trẻ em. Tránh để dính mắt và dính da.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO HỘ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp: Ủy ban An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia không quy định trị số cụ thể cho hóa chất này.

Kiểm soát kỹ thuật:

Sử dụng nơi thông gió tốt. Đậy kín khi không sử dụng.

Thiết bị bảo hộ cá nhân:

Bảng chỉ dẫn An toàn Sản phẩm

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tỉ mỉ. Khi đánh giá rủi ro nên xem xét đến nơi làm việc, trạng thái vật lý của hóa chất, phương thức xử lý và các yếu tố môi trường.

Mã xử lý an toàn nhà máy Selleys: Xanh dương

SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI VÀ VẬN CHUYỂN: Xanh dương – Mặc bộ quần áo bảo hộ lao động (hoặc quần dài và áo tay dài 'được cấp'), ủng bảo hộ, găng tay và tấm che mặt hoặc kính bảo hộ chống hóa chất. Luôn rửa tay trước khi hút thuốc, ăn uống hoặc sử dụng nhà vệ sinh.

ĐỐI VỚI NGƯỜI DÙNG: Tránh để dính da và mắt. Rửa tay sau khi sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý:	Hồ nhão
Màu sắc:	Phần A: Đen Phần B: Trắng nhạt
Mùi:	Trứng thối
Tính tan:	Không tan trong nước
Tỷ trọng:	Không áp dụng
Mật độ hơi tương đối (không khí = 1):	Không áp dụng
Áp suất hơi (ở 20°C):	Không áp dụng
Điểm bắt cháy (°C):	Không áp dụng
% bay hơi theo thể tích:	VOC Phần A – 1,09%; Phần B – 10,48%
Độ tan trong nước (g/L):	Không tan
Điểm/khoảng nóng chảy (°C):	Không áp dụng
Điểm phân hủy (°C):	Không áp dụng
Độ pH:	Không áp dụng
Độ nhớt:	Không áp dụng
Tỷ lệ bay hơi:	Không áp dụng

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ ĐỘ PHẢN ỨNG

Ổn định hóa học:	Ổn định trong điều kiện sử dụng bình thường
Điều kiện cần tránh:	Không để chung với thực phẩm. Tránh nguồn nhiệt, nguồn bắt lửa và lửa ngọn.
Hóa chất không tương thích:	Các tác nhân oxi hóa
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Các oxit cacbon, oxit ni tơ và oxit lưu huỳnh
Phản ứng nguy hiểm:	Không xảy ra phản ứng trùng hợp độc hại.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Sản phẩm sẽ không gây hại đến sức khỏe nếu được xử lý theo Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất này và theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm. Sản phẩm không được xử lý đúng cách và tiếp xúc liên tục hoặc kéo dài có thể gây ra các triệu chứng hoặc ảnh hưởng:

Nuốt phải:	Có thể gây buồn nôn, nôn, tiêu chảy và đau bụng.
Dính mắt:	Gây kích ứng mắt
Dính da:	Có thể gây kích ứng da. Gây mẫn cảm. Tiếp xúc liên tục hoặc kéo dài có thể gây viêm da dị ứng.
Hít phải:	Nếu sử dụng hóa chất ở nơi thông gió kém, nhiệt độ cao hoặc nơi chật hẹp,

Tên sản phẩm: EPOXY FIX SUPER STEEL
Mã số hóa chất: 00000022333

Ngày phát hành: 10/02/2016
Phiên bản: 1

Bảng chỉ dẫn An toàn Sản phẩm



hơi của hóa chất có thể kích ứng niêm mạc khí quản, gây đau đầu và buồn nôn.

Ảnh hưởng lâu dài:

Không có thông tin. Đối với Nonyl phenol: Nguy cơ gây suy giảm chức năng sinh sản, giảm độ màu mỡ của đất. Nguy cơ có thể gây hại cho trẻ chưa sinh.

Dữ liệu độc tố: Không có dữ liệu LD50.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái: Tránh nhiễm bản nguồn nước

Độc tính với môi trường nước: Độc với sinh vật thủy sinh. Có thể gây ảnh hưởng bất lợi lâu dài cho môi trường nước.

13. CẢNH BÁO XỬ LÝ

Phương thức xử lý:

Xin ý kiến Cơ quan Quản lý Chất thải. Thuê nhà thầu được cấp phép xử lý chất thải để xử lý hóa chất. Thường được xử lý tại các bãi xử lý chất thải được cấp phép.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt

Không được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Bộ luật Hàng Hóa Nguy Hiểm Úc (ADG) khi vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt; HÀNG HÓA KHÔNG NGUY HIỂM.

Vận chuyển bằng đường biển

Không được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng đường biển (IMDG) khi vận chuyển bằng đường biển; HÀNG HÓA KHÔNG NGUY HIỂM.

Vận chuyển bằng đường hàng không

Không được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo các tiêu chuẩn Quy định Hàng hóa Nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) khi vận chuyển bằng đường hàng không; HÀNG HÓA KHÔNG NGUY HIỂM.

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Phân loại: Được phân loại là hóa chất độc hại theo các tiêu chuẩn của Cục An toàn lao động Úc; CHẤT ĐỘC HẠI

Loại mối nguy: Xn: Có hại
Xi: Gây kích ứng

Mã rủi ro: R36/38: Kích ứng mắt và da
R43: Có thể gây mẫn cảm cho da
R51/53: Độc với sinh vật thủy sinh. Có thể gây ảnh hưởng bất lợi lâu dài cho môi trường nước.
R62: Nguy cơ gây suy giảm chức năng sinh sản, giảm độ màu mỡ của đất.
Độc cho quá trình sinh sản loại 3 R63: Nguy cơ có thể gây hại cho trẻ chưa sinh.

Tên sản phẩm: EPOXY FIX SUPER STEEL
Mã số hóa chất: 00000022333

Ngày phát hành: 10/02/2016
Phiên bản: 1

Bảng chỉ dẫn An toàn Sản phẩm



Mã an toàn:	S24/25: Không để dính da và mắt S26: Sau khi dính mắt, rửa ngay lập tức với thật nhiều nước và gọi bác sĩ S28: Sau khi dính da, rửa ngay lập tức với thật nhiều xà phòng và nước S36/37/39 – Mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay và thiết bị bảo hộ mắt/mặt phù hợp S61: Ngăn hóa chất thoát ra môi trường. Xem hướng dẫn đặc biệt.
Danh mục hóa chất độc:	Không có

16. THÔNG TIN KHÁC

Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất được lập bởi Trung tâm Dịch vụ An toàn, Sức khỏe và Môi trường. Liên hệ Dịch vụ Khách hàng của Selley nếu cần thêm Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất hoặc nếu muốn biết thêm thông tin khác.

Điện thoại: 1300 555 205 (toàn nước Úc)
Fax: 1300 555 305 (toàn nước Úc)
Điện thoại: 9 820 4852 (khu vực New Zealand)
Fax: 0800 804 583 (khu vực New Zealand)

Lý do cấp:

Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất cấp lần đầu tiên.

Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất này tóm tắt, trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi tại ngày cấp, các mối nguy về sức khỏe và an toàn của hóa chất và đưa ra hướng dẫn xử lý hóa chất an toàn tại nơi làm việc. Do DuluxGroup Limited không thể lường trước hoặc kiểm soát hết các điều kiện sử dụng sản phẩm nên mỗi người dùng, trước khi sử dụng, hãy đánh giá và kiểm soát rủi ro phát sinh từ việc sử dụng hóa chất. Nếu người dùng cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng đại diện của DuluxGroup hoặc DuluxGroup Limited theo thông tin ở trang 1. Trách nhiệm của DuluxGroup Limited đối với hóa chất đã bán tùy thuộc các điều khoản và điều kiện bán hàng, có sẵn khi có yêu cầu.